

Bản án số: **43** /2020/DS-ST.
Ngày: 23/6/2020.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Phước Nghĩa

2. Ông: Vũ Đức Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST - DS ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 40 ngày 25/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: XXX, P, phường T, thành phố X, tỉnh K

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần T– Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh TP**, sinh năm 1964 – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần K- Phòng giao dịch H; Địa chỉ: Số Y, khu phố T, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh K. Theo văn bản ủy quyền số 112/UQ-CNRG, ngày 25/7/2019.

Bị đơn: - Ông **Danh L**, sinh năm 1955;

- Bà **Thị Ch**, (Tên gọi khác Danh Thị Ch) sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã S, huyện Đ, tỉnh K.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông **Huỳnh TP** trình bày như sau:

Vào ngày 30/3/2009 ông Danh L cùng vợ là Thị Ch (Danh Thị Ch) có đến ngân hàng Thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch H để ký 02 hợp đồng vay vốn cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số HD 1547/HĐTD, ngày 30/3/2009, số tiền vay 15.000.000 đồng; Mục đích vay, bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; Kỳ hạn vay, 12 tháng; Lãi suất trong hạn 0.875%/tháng, kể từ ngày 01/10/2009 trở đi lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ (Việt Nam đồng) kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0.4%/tháng; Lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, trường hợp bên vay không trả lãi đúng hạn bên cho vay được thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng 0.1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả; Hình thức thanh toán hợp đồng: lãi trả 06 tháng 01 lần, vốn gốc thanh toán cuối kỳ; - Hợp đồng tín dụng số HD1548/HĐTD, ngày 30/3/2009; Số tiền vay: 25.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Mục đích bổ sung vốn tiêu dùng; Lãi suất trong hạn 1,1%/tháng; Kể từ ngày 01/10/2009 trở đi lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ (Việt Nam đồng) kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0.4%/tháng; Lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn; Trường hợp bên vay không trả lãi đúng hạn thì bên cho vay được thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng 0.1%/ngày trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với số ngày chậm trả; Hình thức thanh toán hợp đồng, lãi thanh toán 06 tháng 1 lần, vốn gốc trả vào ngày đến hạn hợp đồng. Tổng số tiền vốn vay của 02 hợp đồng là 40.000.000đ, được giải ngân ngày 30/3/2009.

Để đảm bảo thanh toán cho 02 hợp đồng tín dụng, ngân hàng K với ông Danh L và bà Danh Thị Ch ký hợp đồng thế chấp tài sản số HD 1547/HĐTC, ngày 30/3/2009; Tài sản đảm bảo gồm: Diện tích đất 961m²: thửa số 126,126-a; thuộc tờ bản đồ số 09, đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB XXXXXX, ngày 29/6/2007 và diện tích đất 7.878m²: Thửa số x thuộc tờ bản đồ số x; Thửa số x tờ bản đồ số x, đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ XXXXX cấp ngày 27/12/2005; Đất thế chấp đứng tên ông Danh L, tọa lạc tại ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Ch và ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ không thanh toán vốn gốc và lãi cho ngân hàng K, mặc dù phía ngân hàng đã lập biên bản làm việc yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông L và bà Ch chỉ hứa mà không thanh toán, tại biên bản xử lý nợ sau cùng là vào ngày 15/3/2019, ông L và bà Ch cam kết thanh toán nợ vào ngày 30/5/2019 nhưng vẫn không thanh toán, do đó ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà Ch thanh toán nợ của hai

hợp đồng vay cả vốn và các khoản lãi tạm tính đến ngày 09/7/2019 là 143.487.726 đồng. Trong đó nợ vốn là 40.000.000 đồng, lãi trong hạn là 5.343.000đ, lãi quá hạn là 79.594.501 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 18.550.225 đồng.

Tuy nhiên quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án , ngày 19/3/2020 ông Danh L và bà Ch đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng (HD1547 là 10.000.000đ và HD 1548 là 20.000.000đ) và lãi là 10.000.000 đồng (HD1547 thu lãi trong hạn 1.874.250 đồng, lãi quá hạn 4.657.000 đồng; HD1548 lãi trong hạn 3.468.750 đồng).

Tính đến ngày 23/6/2020 ông L và bà Ch còn nợ lại Ngân hàng K số tiền là tổng cộng cả vốn và lãi là 110.556.971 đồng. Trong đó: Hợp đồng HD1547 nợ vốn còn lại là 5.000.000 đồng, lãi quá hạn là 27.708.375 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 6.165.654đ; Hợp đồng HD 1548 nợ vốn còn lại là 5.000.000đ; lãi quá hạn 53.53.756.250 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 12.936.692 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Về phần tiền vốn gốc mà ông L và bà Ch đã thanh toán là 30.000.000 đồng, phần tiền lãi đã thanh toán là 10.000.000đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 19.102.346 đồng. Tổng cộng số tiền rút yêu cầu là 59.102.346 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà Ch phải liên đới thanh toán số tiền vốn gốc còn lại của 02 hợp đồng là 10.000.000đ và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/6/2020 là 81.464.625 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi là 91.464.625 đồng. (Trong đó: Hợp đồng HD1547/HĐTD nợ vốn còn lại là 5.000.000 đồng, lãi quá hạn là 27.708.375 đồng; Hợp đồng HD 1548/HĐTD nợ vốn còn lại là 5.000.000đ; lãi quá hạn 53.53.756.250 đồng). Đồng thời yêu cầu được tính lãi tiếp tục kể từ ngày 24/6/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận ghi trong 02 hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K. Trường hợp ông L và bà Ch không thanh toán được nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD1547/HĐTC, ngày 30/3/2009 để thu hồi nợ. Số tiền nợ yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực, đối với yêu cầu xin trả lãi 10.000.00 đồng còn lãi xin miễn thì không đồng ý.

** Theo bản khai, quá trình hòa giải, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Thị Ch (Danh Thị Ch) và ông Danh L trình bày như sau:*

Bà Ch và ông L thừa nhận vào ngày 30/3/2009, có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần K - Phòng giao dịch H để vay số tiền gốc là

40.000.000 đồng (HD1547 là 15.000.000 đồng và HD 1548 là 25.000.000đ), với nội dung về lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay ...như lời đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng. Để đảm bảo thanh toán nợ vay ông L, bà Ch ký với ngân hàng có ký hợp đồng thế chấp tài sản số HD1547/HĐTC, ngày 30/3/2009, tài sản thế chấp như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng . Sau khi vay về do do làm ăn không có hiệu quả nên đến nay số nợ đã quá hạn mà vẫn chưa tất toán được cho Ngân hàng mặc dù hằng năm ngân hàng có nhắc nợ và lập biên bản yêu cầu trả nợ.

Tính đến nay, thì ông L bà Ch đã thanh toán được cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 40.000.000 đồng cho 02 hợp đồng vay vào ngày 19/3/2020. Trong đó, trả nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 10.000.000 đồng như phía ngân hàng trình bày. Nay ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu trả nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng là 10.000.000đ và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/6/2020 là 81.464.625 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi là 91.464.625 đồng, thì ông L và bà Chxin được miễn giảm lãi vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, xin Ngân hàng được trả nợ vốn còn lại là 10.000.000 đồng và thanh toán thêm khoản tiền lãi là 10.000.000 đồng, phần còn lại xin miễn, nếu Ngân hàng đồng ý thì trong thời gian 5 tháng tới sẽ thanh toán cho ngân hàng . Đối với tài sản thế chấp cho ngân hàng hiện tại ông L, bà Ch đang quản lý sử dụng không chuyên nhượng, cầm cố, thế chấp cho ai khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền nợ vốn gốc mà bị đơn đã thanh toán là 30.000.000 đồng, phần nợ lãi đã thanh toán là 10.000.000 đồng, miễn phần tiền lãi phạt chậm trả lãi là 19.102.346đ đồng . Tổng cộng số tiền rút yêu cầu là 59.102.346 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và tự nguyện nên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:* Vào ngày 30/3/2009, ông L và vợ là bà Ch với Ngân hàng Thương Mại cổ phần K - Phòng giao dịch H ký kết Hợp đồng tín dụng số HD1547/HĐTD và HD1548/HĐTD với nội dung như nguyên đơn đã trình bày, phía bị đơn có bản khai, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xác

nhận có ký kết hợp đồng như trên. Như vậy, hợp đồng mà hai bên đương sự đã ký kết là có thật, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng các đương sự ký kết là hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận theo các hợp đồng ký kết.

[4] *Về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp*: Để đảm bảo thanh toán cho 02 hợp đồng tín dụng HD1547/HĐTD và HD 1548/HĐTD cùng ngày 30/3/2009, ngân hàng thương mại cổ phần K với ông L và bà Ch ký hợp đồng thế chấp tài sản số HD1547/HĐTC, ngày 30/3/2009; Tài sản bảo đảm gồm: Diện tích đất 961m²: thửa số x,x; thuộc tờ bản đồ số x, đất được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB XXXXXX, ngày 29/6/2007 và diện tích đất 7.878m²: Thửa số x thuộc tờ bản đồ số x; Thửa số x tờ bản đồ số x, đất được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD XXXXXcấp ngày 27/12/2005; đất thế chấp đứng tên ông Danh L, tọa lạc tại ấp V, xã S, huyện H, tỉnh K. Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, có công chứng và được đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ tư cách, đủ năng lực chủ thể, các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp theo quy định tại các Điều 342, Điều 343, Điều 715 của BLDS 2005.

[5] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vốn và lãi*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải liên đới trả vốn gốc còn lại của 02 hợp đồng là 10.000.000đ và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/6/2020 là 81.464.625 đồng, tổng cộng cả vốn và lãi là 91.464.625 đồng. Do hợp đồng tín dụng được ký kết hợp pháp, nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của người vay được quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán có nguyên đơn số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/6/2020 là 91.464.625 đồng. Tiền lãi được tính tiếp tục kể từ ngày 24/6/2020, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD1547/HĐTD và HD1548/HĐTD cùng ngày 30/3/2009 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[6] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*: Quan hệ phát sinh trong hợp đồng này từ hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Xét tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Danh L, đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật về

hợp đồng thế chấp tài sản như đã phân tích ở trên. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Đức kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HD1547/HĐTC, ngày 30/3/2009 để thu hồi nợ.

[7] Xét yêu cầu xin trả dần số tiền nợ gốc và lãi và xin được miễn trả 01 phần tiền lãi của bị đơn không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 91.464.625 đồng x 5% = 4.573.000 đồng. Tuy nhiên đồng bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn cho đồng bị đơn số tiền án phí là 4.573.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ các Điều 342, 343, 471, 474, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K

2. Buộc ông Danh L và bà Thị Ch (Danh Thị Ch) có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 23/6/2020 của 02 hợp đồng là 91.464.625đ (*chín mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi bốn, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó nợ vốn là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và nợ lãi quá hạn là 81.464.625đ (*Tám mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi*

bốn, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). (Trong đó: Hợp đồng HD1547 nợ vốn còn lại là 5.000.000 đồng, lãi quá hạn là 27.708.375 đồng; Hợp đồng HD1548 nợ vốn còn lại là 5.000.000đ, lãi quá hạn 53.756.250 đồng)

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 24/6/2020 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HD1547/HĐTD và HD1548/HĐTD cùng ngày 30/3/2009 cho đến khi ông Danh L và bà Thị Ch (Danh Thị Ch) thanh toán xong các khoản nợ.

Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Danh L và bà Thị Ch (Danh Thị Ch) không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 1547/HĐTC, ngày 30/3/2009 để thu hồi nợ.

Khi ông Danh L và bà Danh Thị Ch thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Danh L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1547/HĐTC, ngày 30/3/2009. Cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB XXXXXX, do ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 29/6/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD XXXXX do ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 27/12/2005 đứng tên ông Danh Lót.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K với phần tiền nợ vốn gốc là 30.000.000 đồng, phần nợ lãi là 10.000.000 đồng, phần tiền lãi phạt chậm trả lãi là 19.102.346 đồng. Tổng cộng là 59.102.346 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí là 4.573.000 đồng cho ông Danh L bà Thị Ch (Danh Thị Ch). Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần K không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.587.000 đồng, theo biên lai thu số 0009045 ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

5./ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA DS huyện.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Phúc